SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH PHÚ THỌ

Số: 1411/QĐ-BV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tư do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm, gói thầu: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định quy chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Nghị Định về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 07/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Nghị Định về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, Nghị định số 170/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ và Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 36/VBHN-NĐ-BTC ngày 23/9/2026 của chính phủ ban hành nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ tài chính Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư 134/2026/TT-BTC ngày 09/9/2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 1428/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của Uỷ bản nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ trực thuộc Sở Y tế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 6/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 vủa Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập lĩnh vực y tế khối tỉnh quản lý giai đoạn 2026-2030;

Căn cứ Tờ trình số 143/TTr-TCG ngày 10/11/2026 của tổ chuyên gia về việc trình Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm, gói thầu: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán mua sắm, gói thầu: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ. Cụ thể như sau:

I. Phần dự toán

1. Tên dự toán mua sắm: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ;

3. Mục tiêu đầu tư: Phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ.

4. Nội dung và quy mô đầu tư:

4.1 Nội dung đầu tư: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ.

4.2. Quy mô đầu tư: Mua sắm mới 100%. Gồm 01 chủng loại

5. Địa điểm đầu tư: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ.

6. Tổng giá trị dự toán: 384.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tư triệu đồng chẵn). Trong đó:

- Chi phí mua sắm: 384.000.000 đồng

(Có phụ biểu dự toán chi tiết đính kèm)

- Chi phí khác: 0 đồng

7. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn thu từ khám chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ.

8. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.

9. Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày

10. Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày

II. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm, gói thầu: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ được duyệt với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Phòng vật tư thiết bị y tế và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trưởng Phòng vật tư thiết bị y tế, phòng Tài chính - kế toán và các đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, VTYT, TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH PHÚ THỌ
BỆNH VIỆN SẢN NHI TỈNH PHÚ THỌ

Phạm Thái Hạ

Phụ lục 01

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM

Gói thầu: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Quyết định số 1411/QĐ-BV ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ	384.000.000	Nguồn thu từ hoạt động khám chữa bệnh và các nguồn vốn hợp pháp khác của Bệnh viện	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		05 ngày	Tháng 11/2026	Trọn gói	60 ngày	Không áp dụng
Tổng giá gói thầu 384.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tư triệu đồng chẵn).												

Phụ lục 02

DANH MỤC HÀNG HOÁ

Gói thầu: Mua sắm máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số phục vụ công tác chuyên môn tại Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ

(Kèm theo Quyết định số 1411/QĐ-BV ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Phú Thọ)

STT	Danh mục thiết bị y tế	Tên thương mại	Chủng loại/ Ký mã hiệu	Thông số kỹ thuật	Hãng/ Nước sản xuất	ĐVT	Số lượng	Đơn giá đã bao gồm thuế VAT (đồng)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (đồng)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (đồng)	Thành tiền đã bao gồm thuế VAT (đồng)
	Máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Máy theo dõi bệnh nhân	SVM-7603	**Cấu hình máy**: '- Máy chính và máy in nhiệt lắp trong: 01 bộ - Cáp đo điện tim 3 dây : 01 chiếc - Bao đo huyết áp không xâm nhập (NIBP) cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Bao đo NIBP cho trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Cáp đo SpO2 cho người lớn và trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 bộ - Đầu đo nhiệt độ da sử dụng nhiều lần: 01 chiếc - Ắc qui tự nạp: 1 chiếc - Xe đẩy (sản xuất trong nước): 01 chiếc Năm sản xuất: 2026 **Tính năng và thông số kỹ thuật:** **Tính năng chung:** - Có thể kết nối mạng và tạo thành hệ thống với máy trung tâm theo dõi - Có chức năng kết nối giữa các máy với nhau - Màn hình màu, tinh thể lỏng, loại cảm ứng - Màn hình số hiển thị lớn, có thể quan sát từ xa - Có chức năng phát hiện loạn nhịp và gọi lại **Hiển thị:** - Màn hình màu, cảm ứng, loại TFT LCD - Kích thước màn hình 10.4 inches, độ phân giải 800 x 600 điểm ảnh - Hiển thị sóng: ECG, nhịp thở, sóng xung SpO2, IBP - Số vết sóng tối đa: 6 vết - Hiển thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ - Có thể đánh dấu đồng bộ với nhịp tim, nhịp thở và mạch - Có thể cài đặt 12 màu hiển thị số đo và dạng sóng trên màn hình - Tốc độ quét: 4 mức lựa chọn 6.25, 12.5, 25, 50 mm/giây - Thời gian quét ở tốc độ 25mm/giây: 4.8 giây	Hãng sản xuất: Jabil Circuit Sdn. Bhd. Nước sản xuất: Malaysia Hãng/ Nước chủ sở hữu: Nihon Kohden Malaysia Sdn. Bhd./ Malaysia	Máy	4	96.000.000	Đã bao gồm thuế phí	Đã bao gồm thuế phí	384.000.000

				Chức năng báo động: - Các mức báo động: có 4 mức: khẩn cấp, cảnh báo, nhắc nhở, thông báo - Các mục báo động: tín hiệu sống, loạn nhịp, kỹ thuật - Mục báo động tín hiệu sống: nhịp tim, nhịp xung, mức chênh ST, nhịp thở, ngừng thở, nhiệt độ, SpO2, NIBP - Báo động loạn nhịp: Asystole, VF, VT, VPC - Chỉ thị báo động: Đèn chỉ thị, âm thanh báo động và đánh dấu tin nhắn - Có thể ngưng báo động trong vòng 1, 2, 3 phút - Khả năng lưu lịch sử báo động: 120h **Chức năng an toàn:** - Đạt tiêu chuẩn đáp ứng các điều khoản an toàn thuộc tiêu chuẩn IEC60601 **Máy in:** - Máy in được thiết kế đồng bộ gắn liền với monitor - Phương pháp in: ma trận nhiệt - Số kênh in: tối đa 3 kênh - Chế độ ghi: bằng tay, chu kỳ, báo động - Mật độ dòng: 8 dot/mm - Tốc độ giấy: có thể lựa chọn 3 mức 12.5, 25 và 50 mm/s **Ắc quy** - Ắc quy lắp trong máy, thời gian hoạt động 6 giờ **Các thông số đo:** **ECG:** - Số lượng điện cực: 3 - Dải động đầu vào: ≥ ± 5mV - Nhiễu nội bộ: ≤ 30µVp-p - Hệ số chống nhiễu đồng pha: ≥ 95dB - Điện trở đầu vào: ≥ 5MΩ (tại 10Hz) - Dòng phân cực đầu vào: ≤ 100 nA - Tần số đáp ứng: chế độ chẩn đoán: 0.05 đến 150Hz - Độ nhạy hiển thị: có thể lựa chọn tự động hoặc bằng tay các giá trị 10mm/mV x 1/4, x 1/2, x1, x2, x4, hoặc tự động - Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10 giây - Có khả năng loại bỏ nhiễu từ xung tạo nhịp **Nhịp tim:** - Phương pháp đo: trung bình chuyển động - Dải đo: 15 đến 300 nhịp/phút - Sai số: ± 2 nhịp/phút - Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động - Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 15 đến 300 nhịp/phút **Phân tích loạn nhịp:**							

				- Phương pháp phân tích: phương pháp kết hợp đa mẫu - Số kênh: 1 - Tỷ lệ đếm VPC: từ 0 đến 99 VPC/phút - Số file loạn nhịp gọi lại: 120h - Thời gian lưu cho từng đoạn: 10 giây **Mức chênh ST:** - Số kênh: 1 - Dải đo mức chênh ST: ±2.5 mV **Nhịp thở:** - Phương pháp đo: trở kháng - Dải đo: 0-150 nhịp/phút - Sai số: ± 2 nhịp/phút - Trở kháng đo: 220Ω đến 4kΩ - Nhiễu nội bộ: ≤ 0.2 Ω - Hiển thị độ nhạy: 5 giá trị 10mm/ 1 Ω x1/4, x1/2, x1, x2, x4 - Tần số đáp ứng: 3Hz - Có thể chống sốc 400 Ws/DC 5kV - Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10 giây - Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 2 đến 150 nhịp/phút - Có thể theo dõi ngừng thở: thời gian từ 5 đến 40 giây **SpO2:** - Dải đo: 0 - 100% - Dải hiển thị: 0 đến 100% - Sai số: + ±3% (Trong dải đo từ 70 đến <80%SpO2) + ±2% (Trong dải đo từ 80 đến 100% SpO2) - Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động - Có âm thanh báo hiệu với âm sắc thay đổi theo sự thay đổi của trị số đo SpO2 - Độ nhạy dạng sóng: có thể lựa chọn tự động hoặc bằng tay các giá trị x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4 và x8 - Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 50 đến 100% - Đo mạch: dải đo 30 - 300 nhịp/phút **Nhiệt độ:** - Dải đo: 0ºC - 45ºC - Độ chính xác: + ±0.3ºC (Trong dải đo từ 0 đến <25ºC) + ±0.2ºC (Trong dải đo từ 25 đến 45ºC) - Độ xê dịch: không quá ± 0,005ºC/ºC - Khoảng thời gian cập nhật số đo: 3 giây hoặc khi có báo động - Có thể đặt giới hạn báo động cao/thấp trong khoảng 0 đến 45ºC **Huyết áp không xâm nhập (NIBP)** - Phương pháp đo: dao động kế						

				- Dải đo: 0-300 mmHg - Độ chính xác: ± 3mmHg - Phương thức đo: bằng tay, theo chu kỳ - Thời gian đo tối đa: người lớn/trẻ em: ≤ 160 giây, trẻ sơ sinh: ≤ 80 giây - Giá trị áp suất tối đa: người lớn/trẻ em 300mmHg, trẻ sơ sinh: 150mmHg - Có giới hạn áp suất và thời gian khi bơm để đảm bảo an toàn - Có báo hiệu bằng âm thanh khi kết thúc chu kỳ đo - Cập nhật số đo: theo từng lần đo - Có thể đặt giới hạn báo động cao/ thấp trong khoảng 10 đến 260 mmHg - Thời gian phục hồi sau khi sốc: 10 giây							
Tổng cộng: 384.000.000 đồng **Bằng chữ: Ba trăm tám mươi tư triệu đồng chẵn./.**											**384.000.000**

(Giá trên đã bao gồm thuế, phí, chi phí vận chuyển)